

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày: 15 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hải.

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01A/2021/HSST-QĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Việt C, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Phúc Xuyên, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Mạnh H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph; có vợ (Đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/12/2002 bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Hà Tây xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/6/2008 bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Hà Tây xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quang L, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Phúc Trạch, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 06/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Lê Thị N, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Phúc Xuyên, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 03 giờ sáng ngày 31/5/2020 bị cáo Đặng Việt C rủ bị cáo Khuất Quang X là bạn bè xã hội, cùng là đối tượng nghiện ma túy, đi bộ quanh khu vực thôn Phúc Xuyên, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội nhằm mục đích xem có ai sở hữu trong quản lý tài sản để trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đi đến đoạn đường bê tông ngã ba thôn Phúc Trạch, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội thì thấy xưởng cơ khí của gia đình chị Lê Thị N không có người trông coi. Quan sát xung quanh không có người nên C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C nói với X “Mày đứng ngoài để tao vào xem có gì không, lấy được tao chuyển ra thì mày đỡ”, H đồng ý. C trèo qua ô thoáng của xưởng vào bên trong xưởng thấy có hai máy cắt kim loại. C liền rút ổ cắm điện rồi lần lượt xách hai máy cắt chuyển qua ô thoáng cho H ở bên ngoài đỡ, rồi trèo ra ngoài. C và H mỗi người vác một chiếc máy cắt mang đến nhà để đồ tang lễ của Nghĩa trang thôn Phúc Trạch, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội cất giấu tìm người tiêu thụ. Sau đó, H ở lại trông giữ máy cắt, còn C đến nhà bị cáo Nguyễn Quang L, lúc này khoảng 04 giờ sáng hỏi L có mua máy cắt không. L đồng ý và lấy xe máy chở C ra Nghĩa trang thôn Phúc Trạch xem máy cắt rồi đồng ý mua. H và C bê hai máy cắt lên xe máy của L, H ngồi sau giữ một chiếc, còn một chiếc L để trên giá đỡ hàng giữa thân xe. Về đến cổng nhà L, H nhắc máy cắt xuống rồi đi bộ ra đầu ngõ, vì L không muốn cho H vào nhà sợ bố mẹ phát hiện, L đi được một đoạn thì L đi xe máy đến và chở H đến chỗ C. Gặp C, L đưa cho C 1.000.000 đồng là tiền mua hai chiếc máy cắt. Số tiền này, C đã dùng mua ma túy rồi cùng H sử dụng hết.

Cùng ngày 31/5/2020 bị cáo Đặng Việt C nhận thức hành vi trộm cắp tài sản nêu trên là vi phạm pháp luật nên đến công an xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktec MT241, mã số máy 00464725 màu đỏ đen, kích thước (45 x 26 x 41)cm; 01 máy cắt nhôm nhãn hiệu Maktec MT230, mã số 186462 màu đỏ đen bạc, kích thước (53 x 55 x 32)cm.

Ngày 22/6/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện PT, Thành phố Hà Nội định giá như sau: 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktec MT241, mã số máy 00464725 màu đỏ đen, kích thước (45 x 26 x 41)cm có trị giá là 1.300.000 đồng; 01 máy cắt nhôm nhãn hiệu Maktec MT230, mã số 186462 màu đỏ đen bạc, kích thước (53 x 55 x 32)cm có trị giá 1.600.000 đồng. Tổng cộng tài sản bị chiếm đoạt trị giá 2.900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 81/CT-VKS ngày 25 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Đặng Việt C, Khuất Quang X

về tội Trộm cắp tài sản, theo qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Quang L về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo qui định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Việt C từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tại phiên tòa thừa nhận nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Vào khoảng 03 giờ ngày 31/5/2020 các bị cáo Đặng Việt C, Khuất Quang X đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Lê Thị N; trú tại thôn Phúc Xuyên, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Đã trộm cắp hai chiếc máy cắt kim loại trị giá 2.900.000 đồng tại xưởng cơ khí của chị Lê Thị N. Sau đó đem bán cho bị cáo Nguyễn Quang L, bị cáo L mặc dù không hỏi về nguồn gốc của hai chiếc máy cắt nhưng bị cáo L biết rõ bị cáo C và bị cáo H không có nghề nghiệp, nghiện ma túy, địa điểm mua bán tại khu nghĩa trang, thời điểm lúc gần sáng nên đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ và đang cần máy cắt để phục vụ công việc của mình nên bị cáo L đã tiêu thụ tài sản đó.

Như vậy với hành vi của các bị cáo Đặng Việt C, Khuất Quang X đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quang L đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Khuất Quang X không có mặt tại địa phương; Tòa án đã ra Lệnh bắt tạm giam bị cáo nhưng không có kết quả. Tòa án đã đề nghị Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với bị cáo

Huy, do vậy Tòa án đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo Huy, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[3]. Xét tính chất mức độ của vụ án: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Do vậy, cần phải xử lý hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quang L đã có tiền án, chưa được xóa, như vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo Đặng Việt C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo C đã ra đầu thú; tài sản đã trả lại cho người bị hại. Nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo C; áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo C đã có tiền án, đã được xóa án tích, như vậy bị cáo có nhân thân xấu.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có điều kiện về kinh tế để thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 173 và theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị N đã nhận lại toàn bộ tài sản đã bị lấy trộm, nay không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường, nên không xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đặng Việt C 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L 09 (Chín) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Công an huyện PT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Duy Chinh